



green  
inside  
TA YA GROUP



TA YA  
大亞電纜集團  
TA YA GROUP

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2012**

Tháng 03 năm 2013

# MỤC LỤC

1.	SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN.....	2
1.1.	Lịch sử hình thành.....	2
1.1.1	Việc thành lập.....	2
1.1.2	Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần.....	2
1.1.3	Niên yết:.....	2
1.1.4	Ngày giao dịch chính thức.....	2
1.1.5	Cơ cấu quản lý công ty.....	2
1.2.	Quá trình phát triển.....	4
1.2.1	Ngành nghề kinh doanh.....	4
1.2.2	Tình hình hoạt động.....	7
1.3.	Định hướng phát triển (giai đoạn 2011 ~ 2015).....	7
1.3.1	Mục tiêu chủ yếu.....	7
2.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
3.	BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC.....	10
3.1.	Báo cáo tình hình tài chính.....	10
3.1.1	Phân tích chỉ số tài chính.....	11
3.1.2	Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo(Book Value).....	12
3.2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
3.2.1	Phân tích tổng quan hoạt động công ty.....	13
4.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( xem chi tiết tại website công ty <a href="http://www.taya.com.vn">www.taya.com.vn</a> ).....	14
5.	THÔNG TIN KIỂM TOÁN:.....	20
5.1.	Đơn vị kiểm toán độc lập:.....	20
5.2.	Đơn vị kiểm tra Nội bộ: Công ty cổ phần hữu hạn Dây và Cáp điện Đại Á.....	20
6.	CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:.....	20
6.1.	Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất.....	20
6.2.	Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính.....	21
7.	TỔ CHỨC VÀ NIÊN SỰ.....	22
7.1.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức.....	22
7.2.	Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	22
7.3.	Người quản lý chủ chốt trong công ty.....	23
8.	QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG.....	24
8.1.	Quản trị công ty.....	24
8.1.1	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:.....	24
8.1.2	Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.....	25
8.2.	Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	26
8.2.1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.....	26
8.2.2	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát:.....	26
8.2.3	Kế hoạch tăng cường hiệu quả quản trị công ty.....	27
8.3.	Thông tin cổ đông (tại 18/03/2013).....	27
8.3.1	Cơ cấu sở hữu.....	27
8.3.2	Cơ cấu cổ đông.....	27
8.3.3	Cổ đông nội bộ.....	27

## 1. SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

### 1.1. Lịch sử hình thành

#### 1.1.1 Việc thành lập

- Công Ty Cổ Phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 414/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Việt Nam (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu tư) cấp ngày 07/09/1992.
- Mã số đăng ký kinh doanh: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ tư thay đổi ngày 29/11/2011.
- Tên tiếng Anh: TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: TAYA VIỆT NAM

- Logo công ty: 

- Địa chỉ trụ sở chính công ty: số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Tel: 84-61-3836361~4 Fax: 84-61-3836388
- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

Địa chỉ chi nhánh: km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Tel: 84-320-3775888~890 Fax: 84-320-3775896
- E-mail: ck\_chcn@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

#### 1.1.2 Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

#### 1.1.3 Niêm yết:

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

#### 1.1.4 Ngày giao dịch chính thức

- Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở dịch Chứng khoán TP.HCM).
  - + Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông.
  - + Ký hiệu cổ phiếu: TYA

#### 1.1.5 Cơ cấu quản lý công ty

- **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 061-3836 361-4

Fax: 061-3836 388

E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

Website: www.taya.com.vn

- **Chi nhánh tại tỉnh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương

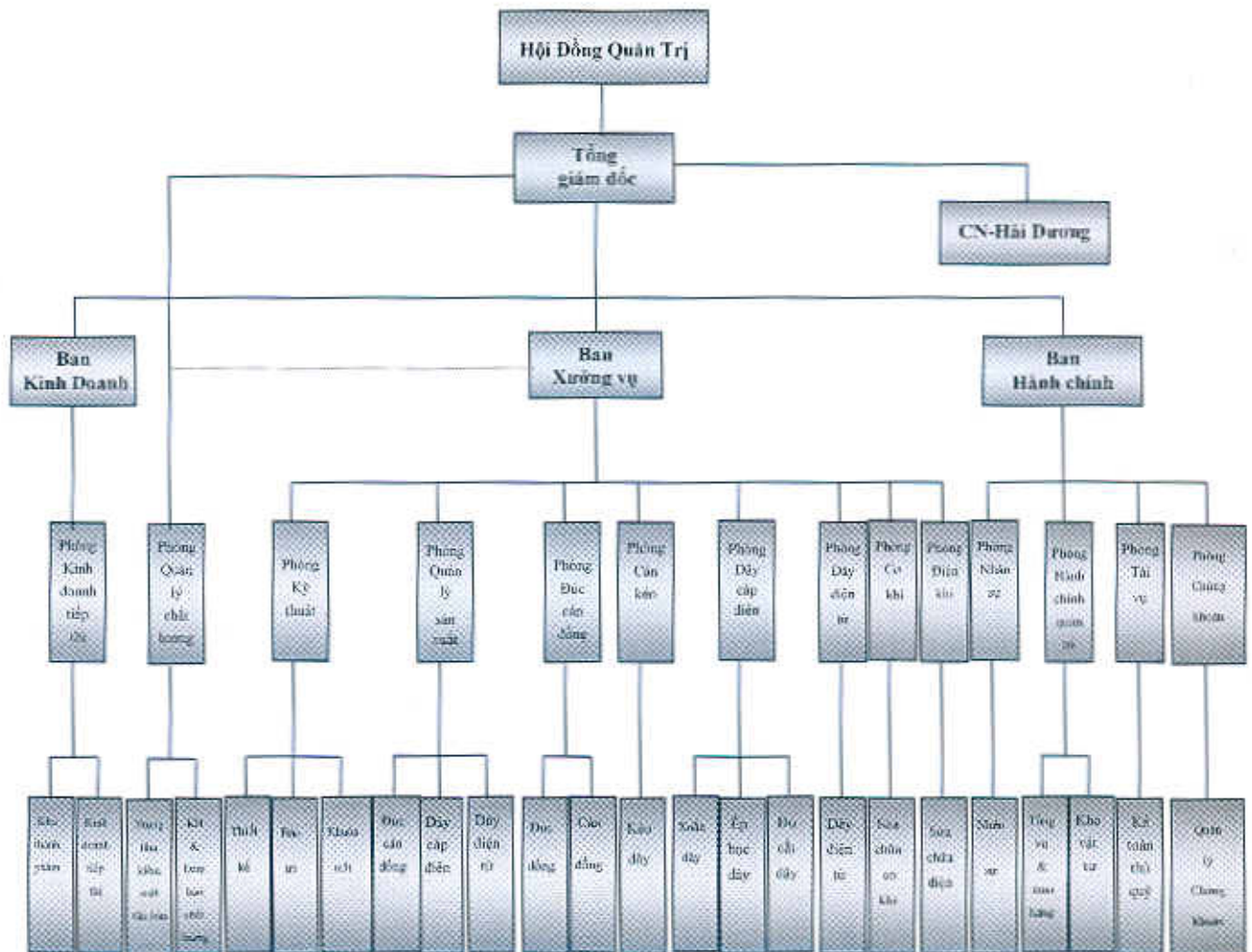
tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Diên, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.  
 Điện thoại: 0320 – 3775888 0320 – 3775890~892 Fax: 0320 – 3775 896  
 Email: ck\_chen@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

- Văn phòng đại diện tại Tp.HCM: Nơi đặt văn phòng liên lạc thương mại cung cấp dây điện và cáp điện cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.

Địa chỉ: Số 135/17/25-27, đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22 quận Bình Thạnh, Tp.HCM.  
 Điện thoại: 08-35128861-3 Fax: 08-35128790  
 E-mail: kao@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

## SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành Công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya có được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

**Ban Hành chính quản trị:** Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập

khâu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu...

**Ban kinh doanh tiếp thị:** Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

**Ban xưởng vụ:** Có chức năng trong việc điều động sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

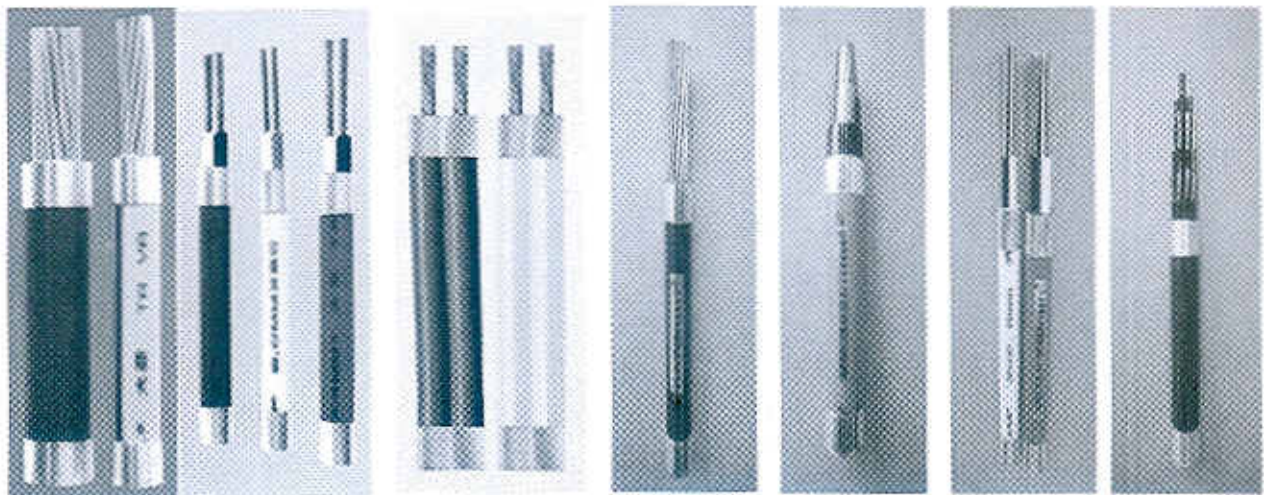
## 1.2. Quá trình phát triển

### 1.2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế và trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600-1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, bằng nhôm, bằng đồng, bằng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô, sản xuất động cơ và máy bơm nước...
  - Thi công xây lắp các công trình điện.
  - Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ) các sản phẩm sau:
    - + Các sản phẩm, hàng hóa liên quan đến sản xuất dây và cáp điện (Mã HS: 7409, 7408, 7407, 7403, 7402, 7401, 7606, 7605, 7604, 7217, 7212, 3904, 3901).
    - + Các loại công cụ, dụng cụ và vật tư phục vụ thi công công trình điện (Mã HS: 8535, 8467, 8204, 7415, 7320).
    - + Các loại thiết bị chiếu sáng (Mã HS: 9405, 8540, 8539, 8512).
- **Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt**

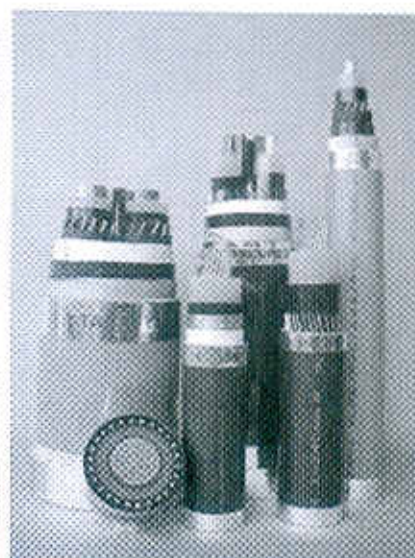
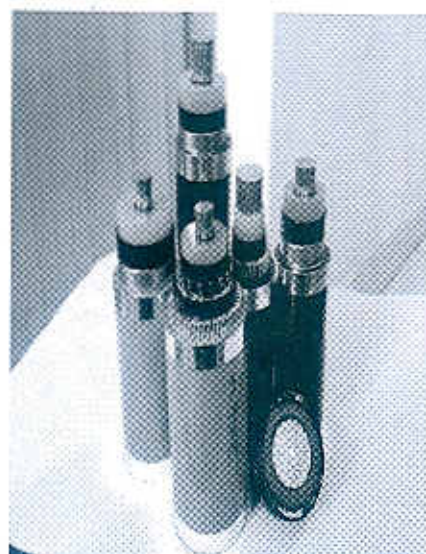
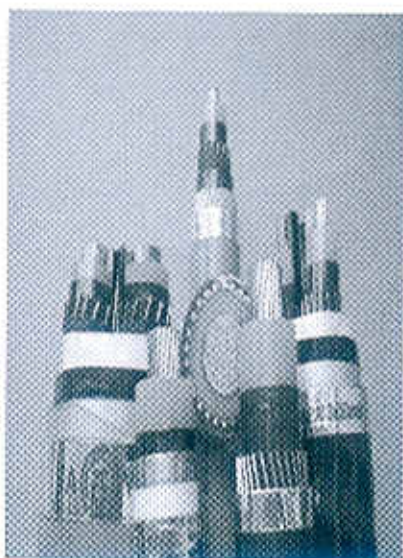


- **Chủng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V**





➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV ~ 35 KV



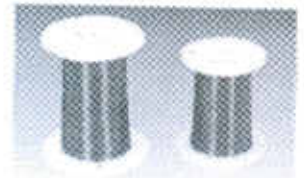
- Sản xuất các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...



### PEW

#### 聚酯漆包銅線

Dây điện từ Polyester  
Polyester Enamelled Wire  
耐温等级: 155°C  
Cấp chịu nhiệt: 155°C  
Thermal Rating: 155°C



### PEW-NY

#### 尼龍外被聚酯漆包銅線

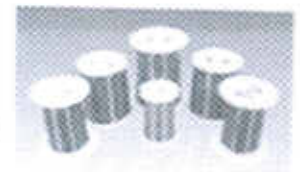
Dây điện từ Polyester và lớp Polyamide phủ ngoài  
Polyester-Chromated Polyamide Enamelled Wire  
耐温等级: 155°C  
Cấp chịu nhiệt: 155°C  
Thermal Rating: 155°C



### UEW

#### 聚叔酯漆包銅線

Dây điện từ Polyurethane  
Polyurethane Enamelled Wire  
耐温等级: 130°C/155°C/180°C  
Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C  
Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



### UEW+NY

#### 尼龍外被聚叔酯漆包銅線

Dây điện từ Polyurethane và lớp Polyamide  
Polyurethane-Chromated Polyamide Enamelled Wire  
耐温等级: 130°C/155°C  
Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C  
Thermal Rating: 130°C/155°C



### EAIW

#### 橫紋亞胺外被變性聚酯漆包銅線

Dây điện từ Polyamide-imide được phủ Amide-imide  
Amide-Imide Crosslinked Polyester-imide Enamelled Wire  
耐温等级: 200°C  
Cấp chịu nhiệt: 200°C  
Thermal Rating: 200°C



### SEIW

#### 直徑變性聚叔酯漆包銅線

Dây điện từ Polyurethane và lớp Polyamide  
Polyurethane-Chromated Polyamide Enamelled Wire  
耐温等级: 180°C  
Cấp chịu nhiệt: 180°C  
Thermal Rating: 180°C



### EIW

#### 聚叔亞胺漆包銅線

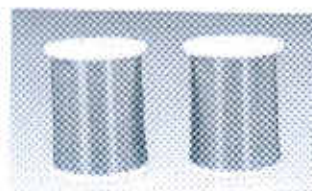
Dây điện từ Polyamide-imide  
Polyamide-imide Enamelled Wire  
耐温等级: 180°C  
Cấp chịu nhiệt: 180°C  
Thermal Rating: 180°C



### PVF

#### 聚乙炔甲醯漆包銅線

Dây điện từ Polyvinyl Formad  
Polyvinyl Formad Enamelled Wire  
耐温等级: 105°C  
Cấp chịu nhiệt: 105°C  
Thermal Rating: 105°C



### 1.2.2 Tình hình hoạt động

#### - Tóm tắt tình hình hoạt động

- Năm 2001, Công ty đã hoàn thành đầu tư xưởng nung đúc nguyên liệu đồng đầu tiên (lò số 1, số 2) cho nhà máy.
- Năm 2002, hoàn thành đầu tư nhà xưởng hiện đại sản xuất sản phẩm dây điện tử và nhà xưởng nung đúc nguyên liệu đồng thứ hai (lò số 3, số 4).
- Năm 2003, đầu tư thành lập Chi nhánh sản xuất dây và cáp điện tại tỉnh Hải Dương, nhà máy này được hạch toán độc lập và đầu tư hoàn chỉnh từ khâu nung đúc nguyên liệu đồng đến khâu sản xuất ra các loại dây cáp điện, dây điện tử.
- Tháng 1/2005 Chi nhánh Hải Dương đã chính thức đi vào hoạt động.
- Năm 2005, hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng và hệ thống dây chuyền sản xuất dây cáp điện Trung cao áp và lò nung đồng số 5.
- Năm 2008, hoàn thành đầu tư mở rộng sản xuất dây cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, ít khói không độc.

### 1.3. Định hướng phát triển (giai đoạn 2011~2015)

#### 1.3.1 Mục tiêu chủ yếu

- Phát triển Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- Mở rộng thị trường nội địa, chiếm 20% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.
- Tăng cường doanh thu xuất khẩu đạt trên 20%/năm.

Để đạt được mục tiêu trên, công ty xây dựng chiến lược phát triển như sau:

#### A. Phát triển thị trường:

1. Tăng cường phát triển thị trường nội địa sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
2. Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
3. Trực tiếp hoặc hợp tác đấu thầu các công trình.
4. Tăng cường xuất khẩu.

#### B. Phát triển sản phẩm chất lượng:

1. Sản xuất sản phẩm bảo vệ môi trường.

#### C. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút thêm nhân sự có năng lực.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

#### D. Đầu tư phù hợp:

- Giá nguyên liệu đồng thường bị chi phối do cung cầu của thị trường thế giới, tình hình đầu cơ tích trữ của các định chế tài chính, các quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái biến động, gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Để giảm thiểu rủi ro, công ty mua sắm nguyên liệu tập trung với khối lượng lớn nhằm tạo lợi thế khi đàm phán về giá. Ngoài ra, công ty đẩy mạnh hàng hóa xuất khẩu để thu hút ngoại tệ về cho công ty.



## 2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### A. Báo cáo hoạt động kinh doanh

Năm 2012 doanh thu Công ty đạt khoảng 912,73 tỷ đồng, giảm 42,28% so với kế hoạch, giảm 30,67% so với thực hiện năm 2011; lợi nhuận sau thuế khoảng 34,3 tỷ đồng theo sát mục tiêu kế hoạch năm 2012.

Tỷ suất lợi nhuận ròng năm 2012 khoảng 3,77% tăng 62,50% và tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn cổ phần đạt 12,32% tăng 12,41% so với năm 2011.

#### Phân tích nguyên nhân:

Sáu tháng đầu năm 2012 giá đồng LME bình quân khoảng 8.087,2USD/T, công ty bán hàng nhiều hơn và giá vốn có nhiều ưu thế, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 10,08%, lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2012 khoảng 21,1 tỷ đồng. Chuyển sang sáu tháng cuối năm 2012, giá đồng LME bình quân giảm còn 7.812,8USD/T làm ảnh hưởng giảm tỷ suất lợi nhuận gộp còn 7,29%, lợi nhuận sau thuế sáu tháng cuối năm 2012 của công ty khoảng 13,2 tỷ đồng, giảm 7,9 tỷ đồng tương đương 37,44% so với sáu tháng đầu năm 2012. Cả năm 2012 công ty lãi khoảng 34,3 tỷ đồng, giảm 1,3 tỷ đồng so với kế hoạch 35,6 tỷ đồng.

#### ❖ Lợi nhuận, tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	2012	2011
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu thuần (nghìn đồng)	912.726.983	1.316.583.484
Lợi nhuận gộp (nghìn đồng)	79.342.183	138.576.658
Lợi nhuận từ HĐSXKD(nghìn đồng)	28.983.141	28.740.732
Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	34.371.133	30.571.031
<b>Bảng cân đối kế toán</b>		
Vốn chủ sở hữu (nghìn đồng)	277.721.698	243.350.566
Tổng tài sản (nghìn đồng)	633.817.837	671.369.801
Tổng nợ phải trả (nghìn đồng)	356.096.139	428.019.236
Tài sản thuần (nghìn đồng)	277.721.698	243.350.566
<b>Chỉ số tài chính</b>		
Tỷ suất LNST/nguồn vốn chủ sở hữu(ROE)	12,38	12,56

#### ❖ Tình hình thực hiện so với kế hoạch

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	Tăng/giảm Kim ngạch	Tăng/giảm so với KH (%)
Vốn điều lệ (triệu đồng)	279.014	279.014	-	-
Doanh thu (triệu đồng)	1.581.193	912.727	-668.466	-42,28
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	40.655	34.250	-6.405	-15,75
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	35.650	34.371	-1.279	-3,59
LN sau thuế/ Doanh thu (%)	2,25	3,77	1,52	67,56
LN sau thuế/Vốn cổ phần (%)	12,78	12,32	-0,46	-3,60

### B. Cải cách chủ yếu trong năm:

#### ▪ Những hạng mục kinh doanh mới

Nhằm mở rộng phạm vi hoạt động và tăng nguồn thu, năm 2012 công ty đăng ký bổ sung hạng mục kinh doanh mới như sau: (sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 thông qua)

- Cho thuê nhà xưởng.
- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

#### C. Đánh giá rủi ro

Trong bối cảnh kinh tế thế giới những năm gần đây, những dấu hiệu phục hồi kinh tế tại các quốc gia đã phát triển rõ ràng còn gặp nhiều khó khăn và suy giảm liên tục. Năm 2012, Việt Nam đã vượt qua khó khăn đạt mức tăng trưởng GDP 5,03%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ, đóng góp nhiều nhất cho tăng trưởng kinh tế tổng thể quốc gia, cụ thể khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,72% đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,52%, đóng góp 1,89 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,42%, đóng góp 2,70 điểm phần trăm.

Tình hình lạm phát tại Việt Nam cả năm 2012 khoảng 7,5%, thấp hơn nhiều so với 18,13% năm 2011 và 11,75% của năm 2010. Lạm phát tuy đã được kiểm chế nhưng vẫn tiềm ẩn những rủi ro bất ổn cho phát triển kinh tế năm 2013.

Theo Ngân hàng Thế giới tăng trưởng kinh tế thế giới đã liên tục giảm từ mức 3,9% năm 2010, xuống 2,7% năm 2011 và ước tính năm 2012 chỉ còn 2,3%; trong khi thương mại toàn cầu cũng giảm tăng trưởng từ 13% năm 2010, xuống 6,1% năm 2011 và ước tính năm 2012 chỉ còn 3,6%. Kinh tế Trung Quốc năm 2012 cũng giảm mức tăng trưởng chỉ còn khoảng 7,7% từ mức trên 10% liên tục hàng chục năm qua.

Dây cáp điện là sản phẩm ngành công nghiệp cơ bản, là phương tiện truyền dẫn không thể thiếu của sản phẩm điện, viễn thông, truyền tải thông tin, điện tử và điện khí, chịu ảnh hưởng lớn bởi sự thăng trầm của nền kinh tế quốc dân. Nguồn lực thúc đẩy ngành dây cáp điện tăng trưởng phần lớn tùy thuộc vào mức độ tiến triển công nghiệp hóa và đô thị hóa của đất nước và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của công ty.

Ngoài ra, thị trường tiền tệ biến động khôn lường cũng là mẫu chốt quan trọng ảnh hưởng kết quả hoạt động của công ty.

#### D. Quản lý rủi ro

Một nền kinh tế phát triển, sự đi lên của công nghiệp hóa, đô thị hóa và nông thôn điện khí hóa đều phải gắn liền với sản phẩm phụ trợ dây cáp điện. Nguyên liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng, giá đồng biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán và lợi nhuận của sản phẩm. Sau đây là chính sách quản lý rủi ro do công ty hoạch định:

##### Đối nội :

- Duy trì nguyên liệu tồn kho an toàn: Đào bảo khả năng sản xuất, cung ứng hàng hóa ổn định.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm: Nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của thương hiệu công ty.
- Quản lý tài chính nghiêm ngặt: Đảm bảo vòng quay vốn nhanh, giảm nợ xấu.
- Hệ thống bán hàng rộng khắp: Đào bảo lưu thông hàng hòa, tăng thị phần.
- Mua hàng tập trung: Giành ưu thế đàm phán giá mua, giúp tăng lợi nhuận sản xuất.
- Cập nhật thị trường nguyên liệu thế giới: Xây dựng giá linh hoạt, duy trì ưu thế cạnh tranh.

##### Đối ngoại :

- Xây dựng quan hệ khách hàng: Giúp tiêu thụ sản phẩm, tăng thị phần.
- Am hiểu môi trường kinh doanh: Cung ứng hàng hóa vừa và đủ, giảm nợ xấu và xây dựng chiến lược giá bán phù hợp.
- Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh: Cải tiến bản thân, tạo ưu thế vượt trội.
- Theo dõi động thái lãi suất và tỷ giá hối đoái: Duy trì hạn mức tín dụng, tránh rủi ro tài chính.

#### E. Triển vọng kế hoạch năm 2013

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2012 chưa thực sự khởi sắc và ảnh hưởng do rủi ro nợ công Châu Âu kéo dài, thời gian qua, công ty cố gắng vượt qua không ít khó khăn và thử thách, lợi nhuận sau thuế năm 2012 của công ty đạt khoảng 34,3 tỷ đồng theo sát dự tính.

Triển vọng cho năm 2013 tình hình kinh tế thế giới vẫn tiếp tục khó khăn do ảnh hưởng của năm 2011 chuyển sang. Đánh giá quyết tâm thực thi chính sách ổn định tỷ giá, kích thích tiêu thụ và đầu tư của chính phủ, Hội đồng quản trị dự tính kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2013 như sau:

Đvt: (Nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2013
Doanh thu thuần	1.143.742.000
Lợi nhuận gộp	41.435.000
Lợi nhuận trước thuế	33.470.000
Chi phí thuế TNDN	4.169.625
Lợi nhuận sau thuế	29.300.375

- \* Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm ở mức 8.500USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 21.500VND/USD. Nếu giá đồng và tỷ giá hối đoái biến động lớn công ty sẽ điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên.

### 3. BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 3.1. Báo cáo tình hình tài chính

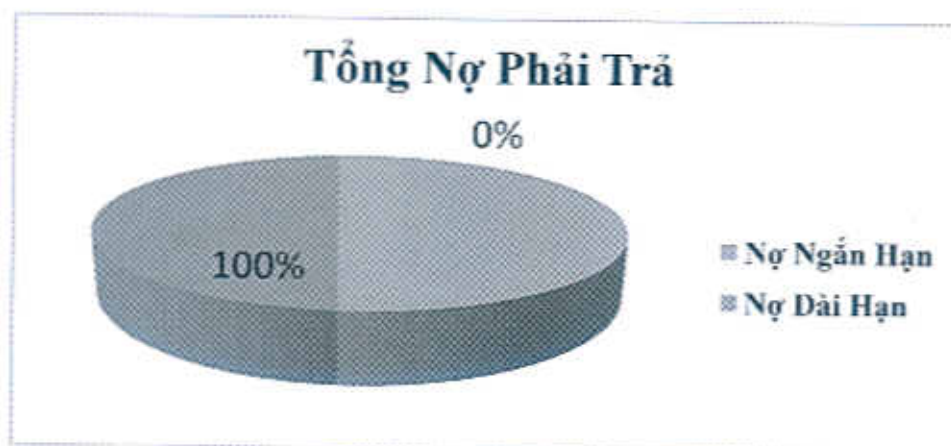
CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2012	Năm 2011
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và vốn</b>			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	22,99	25,02
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	77,01	74,98
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	56,18	63,75
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43,82	36,25
<b>2. Tỷ suất thanh toán</b>			
2.1. Tỷ suất thanh toán ngắn hạn (Liquidity Ratio)	%	137,07	117,69
2.2. Tỷ suất thanh toán nhanh(Quick Ratio)	%	78,63	67,88
<b>3. Tỷ suất lợi nhuận</b>			
3.1. Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	3,75	2,54
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	3,77	2,32
3.2. Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	5,40	4,97
- Tỷ suất LNST/trên tổng tài sản(ROA)	%	5,42	4,55

CHI TIÊU	Đvt	Năm 2012	Năm 2011
3.2 Tỷ suất Lợi nhuận trên Vốn cổ phần			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn cổ phần	%	12,32	10,96

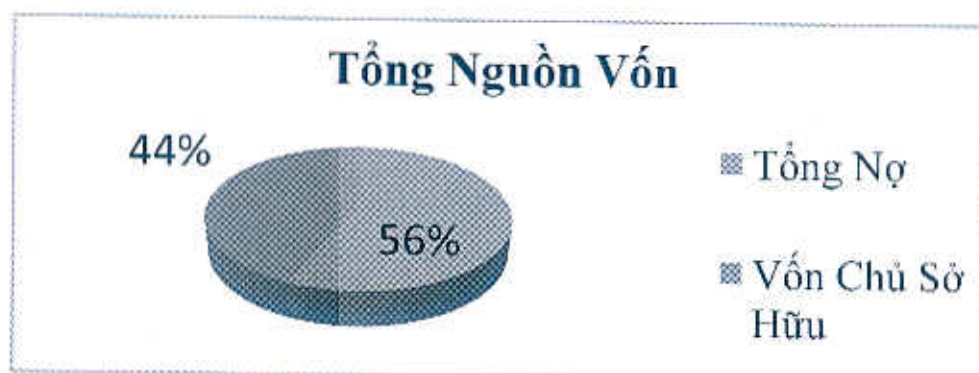
### 3.1.1 Phân tích chỉ số tài chính

- Nợ ngắn hạn khoảng 356,10 tỷ đồng bằng 56,18% tổng nguồn vốn (khoảng 633,82 tỷ) của công ty. Trong đó vay ngắn hạn khoảng 197,88 tỷ đồng chiếm tỷ lệ nợ ngắn hạn khoảng 55,57% hầu hết được các ngân hàng thương mại nước ngoài cho vay tín dụng do chủ tịch Shen Shang Pang đứng ra bảo đảm. Khoản vay này chủ yếu dùng để thanh toán nguyên liệu đồng nhập khẩu từ nước ngoài. Nợ ngắn hạn công ty năm 2012 khoảng 356,10 tỷ đồng, giảm 16,75% khoảng 71,66 tỷ đồng so với năm 2011.

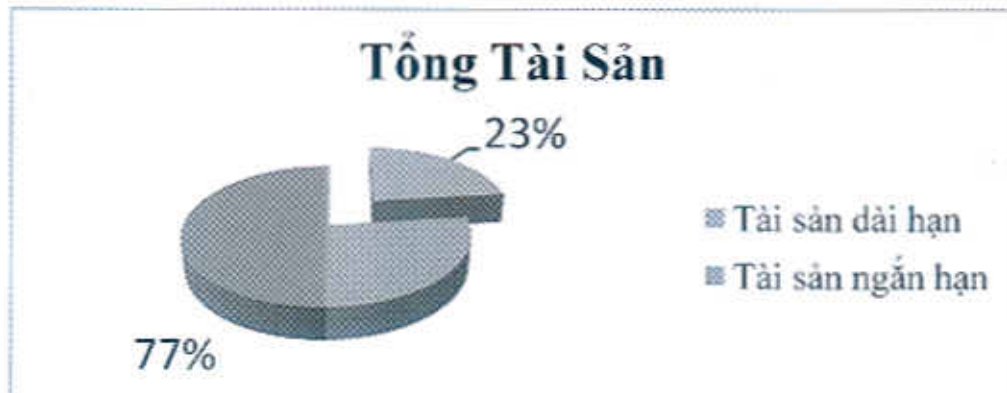
Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn nợ ngắn hạn đều có tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.



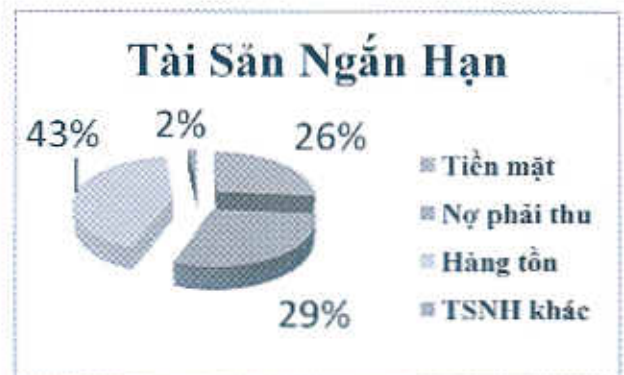
- Tỷ suất thanh toán ngắn hạn năm 2012 là 137,07% cao hơn 117,69% của năm 2011, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2012 tốt hơn năm 2011, tức vốn ngắn hạn của công ty dồi dào không xảy ra nguy cơ về tín dụng.
- Tỷ suất thanh toán nhanh năm 2012 là 78,63% cao hơn 67,88% của năm 2011, chủ yếu do tăng tiền và các khoản tương đương tiền, càng thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty.
- Tỷ suất lợi nhuận năm 2012 cao hơn năm 2011 phản ánh hiệu quả cắt giảm chi phí và tăng lợi nhuận của công ty.



- Tổng tài sản công ty năm 2012 khoảng 633.817.836.876 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 77%, do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn, rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.



- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và không chuẩn xác.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn.



### 3.1.2 Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo(Book Value)

Chi tiêu	2012	2011	2010
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	9.935	8.722	7.626

### 3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: (nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2012	2011	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	914.987.988	1.318.267.202	-403.279.214	-30,59
2. Các khoản giảm trừ	2.261.005	1.683.718	577.287	34,29
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	912.726.983	1.316.583.484	-403.856.501	-30,67
4. Giá vốn hàng bán	833.384.800	1.178.006.826	-344.622.026	-29,25
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.342.183	138.576.658	-59.234.475	-42,74
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8.872.767	15.496.943	-6.624.176	-42,75
7. Chi phí tài chính	13.465.227	78.135.754	-64.670.627	-82,77
8. Chi phí bán hàng	18.473.194	19.608.289	-1.135.095	-5,79

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.293.388	27.588.827	-295.439	-1,07
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28.983.141	28.740.731	242.410	0,84
11. Thu nhập khác	5.280.203	7.864.864	-2.584.661	-32,86
12. Chi phí khác	12.916	3.205.295	-3.192.379	-99,60
13. Lợi nhuận trước thuế	34.250.428	33.400.300	850.128	2,55
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(2.607.462)	2.607.462	-
15. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	120.705	(221.808)	342.513	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.371.133	30.571.030	3.800.103	12,43
17. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phiếu(đồng/cp)	1.232	1.096	136	12,41

### 3.2.1 Phân tích tổng quan hoạt động công ty

So sánh kết quả kinh doanh năm 2012 và năm 2011 có nhiều thay đổi đáng kể:

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2012 khoảng 912,7 tỷ đồng giảm 30,67% so với năm 2011. Trong đó, tiêu thụ nội địa chiếm 83% giảm khoảng 2% và xuất khẩu chiếm 17% tăng khoảng 2,5% so với năm 2011 chủ yếu do tăng doanh thu bán hàng ở khâu xuất khẩu và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2012 ở mức 2,02% cao hơn mức 1,49% của năm 2011 phản ánh ảnh hưởng của sự suy giảm doanh thu 30,67%.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí quản lý: Chi phí này năm 2012 ở mức 2,99% cao hơn mức 2,10% của năm 2011 nguyên nhân do ảnh hưởng của sự suy giảm doanh thu nêu trên.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2012 khoảng 1,48% thấp hơn nhiều so với mức 5,93% của năm 2011, chủ yếu do tỷ giá quy đổi VND/USD năm 2012 tương đối ổn định, hơn nữa trong quý 4 lãi suất vay ngoại tệ các ngân hàng có xu hướng giảm nhẹ giúp giảm đáng kể chi phí tài chính cho công ty đây cũng là nguyên nhân chính công ty hoạt động có lãi.
- **Thuế TNDN:** Năm 2012 lợi nhuận sau thuế công ty khoảng 34,3 tỷ đồng nhưng báo cáo tài chính không thể hiện chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp nguyên nhân do công ty thua lỗ vào năm 2009, theo quy định về thuế TNDN công ty được phép chuyển lỗ năm 2009 trong 5 năm kể từ năm thua lỗ. Như vậy, thời hạn chuyển lỗ của công ty là đến hết năm tài chính năm 2014.

#### 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( xem chi tiết tại website công ty [www.tava.com.vn](http://www.tava.com.vn) )



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wahn Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (0) 3621 9266  
Fax +84 (0) 3621 9267  
Internet [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

#### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam  
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán: 12-01-260/5



Dám Thị Ngọc Hào  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.0866/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)  
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>488.105.958.795</b>	<b>503.417.219.133</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>127.946.893.899</b>	<b>125.050.507.299</b>
Tiền	111		17.746.893.899	56.721.698.911
Các khoản tương đương tiền	112		110.200.000.000	68.328.808.388
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>143.397.955.943</b>	<b>165.327.908.022</b>
Phải thu khách hàng	131		143.161.649.009	165.461.517.756
Trả trước cho người bán	132		70.288.123	465.321.753
Các khoản phải thu khác	135		1.875.925.271	299.938.433
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.709.906.460)	(898.869.920)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>208.104.235.414</b>	<b>204.903.496.242</b>
Hàng tồn kho	141		210.848.264.253	206.851.281.428
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.744.028.839)	(1.947.785.186)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.656.873.539</b>	<b>8.135.307.570</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.908.787.616	895.153.894
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.488.538.002	6.987.838.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	154		67.850.421	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		191.697.500	252.315.500
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>145.711.878.081</b>	<b>167.952.582.257</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>140.989.090.826</b>	<b>163.083.409.751</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6</b>	140.415.316.826	158.481.797.349
Nguyên giá	222		436.179.690.860	431.762.746.429
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(295.764.374.034)	(273.280.949.080)
Tài sản cố định vô hình	227	<b>7</b>	529.200.000	-
Nguyên giá	228		567.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.800.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	44.574.000	4.601.612.402
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.722.787.255</b>	<b>4.869.172.506</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>9</b>	2.776.254.177	3.043.343.979
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>10</b>	1.946.533.078	1.825.828.527
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>633.817.836.876</b>	<b>671.369.801.390</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

4



Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)  
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>356.096.138.621</b>	<b>428.019.235.734</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>356.096.138.621</b>	<b>427.751.446.861</b>
Vay ngắn hạn	311	11	197.875.880.241	312.152.126.303
Phải trả người bán	312	12	128.534.895.322	90.196.727.226
Người mua trả tiền trước	313		21.673.269.915	13.068.225.554
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.288.989.749	4.698.421.775
Phải trả người lao động	315		5.583.446.661	5.914.946.314
Chi phí phải trả	316		1.061.975.115	1.652.461.368
Các khoản phải trả khác	319		77.681.618	68.538.321
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>267.788.873</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	-	267.788.873
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>277.721.698.255</b>	<b>243.350.565.656</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>277.721.698.255</b>	<b>243.350.565.656</b>
Vốn cổ phần	411	16	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	414	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	17	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(22.572.841.701)	(56.943.974.300)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>633.817.836.876</b>	<b>671.369.801.390</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	1.209.007.946	16.751.402.382
Ngoại tệ	3.587.622.291	2.996.847.851

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

*Sung Hsiang Lin*

Sung Hsiang Lin  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

*Trần Văn Thọ*  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

5

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	18	914.987.988.113	1.318.267.201.905
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(2.261.005.263)	(1.683.718.208)
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)</b>	<b>10</b>		<b>912.726.982.850</b>	<b>1.316.583.483.697</b>
Giá vốn hàng bán	11		(833.384.800.021)	(1.178.006.826.469)
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>	<b>20</b>		<b>79.342.182.829</b>	<b>138.576.657.228</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	8.872.767.073	15.496.943.206
Chi phí tài chính	22	20	(13.465.227.276)	(78.135.753.585)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(10.038.531.138)</i>	<i>(14.347.719.746)</i>
Chi phí bán hàng	24		(18.473.193.874)	(19.608.289.051)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(27.293.388.091)	(27.588.826.788)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)</b>	<b>30</b>		<b>28.983.140.661</b>	<b>28.740.731.010</b>
Thu nhập khác	31		5.280.203.052	7.864.864.372
Chi phí khác	32		(12.915.665)	(3.205.295.090)
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.267.287.387</b>	<b>4.659.569.282</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>34.250.428.048</b>	<b>33.400.300.292</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	(2.607.462.478)
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	21	120.704.551	(221.807.697)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)</b>	<b>60</b>		<b>34.371.132.599</b>	<b>30.571.030.117</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.232	1.096

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

*Sung Hsiang Lin*

Sung Hsiang Lin  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

*Wang Jing Shu*  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

6

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		34.250.428.048	33.400.300.292
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		23.754.094.699	27.136.014.516
Các khoản dự phòng	03		1.607.280.193	1.852.075.019
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.054.074.282)	(1.305.507.433)
Lỗ/(lãi) thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05		39.248.628	(124.965.790)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(7.802.337.474)	(10.163.807.763)
Chi phí lãi vay	06		10.038.531.138	14.347.719.746
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>60.833.170.950</b>	<b>65.141.828.587</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		20.576.339.314	41.637.974.718
Biến động hàng tồn kho	10		(3.996.982.825)	(9.662.968.708)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		43.711.633.991	(101.387.220.742)
			<b>121.124.161.430</b>	<b>(4.270.386.145)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(10.370.526.541)	(14.349.204.046)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.076.680.512)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>109.676.954.277</b>	<b>(18.619.590.191)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.463.461.873)	(12.981.934.692)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		31.527.273	252.792.961
Tiền thu từ các khoản đầu tư khác	25		-	2.000.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		7.823.347.730	9.883.353.063
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.391.413.130</b>	<b>(845.788.668)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay nhận được	33		431.606.837.343	545.438.418.231
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(544.778.818.150)	(589.622.253.997)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(113.171.980.807)</b>	<b>(44.183.835.766)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.896.386.600</b>	<b>(63.649.214.625)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		125.050.507.299	188.699.721.924
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	127.946.893.899	125.050.507.299

Ngày 1 tháng 3 năm 2013

Người lập:

*Sung Hsiang Lin*

Sung Hsiang Lin  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

*Trần Văn Hùng*  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

## 5. THÔNG TIN KIỂM TOÁN:

### 5.1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

- Tên đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Địa chỉ: 10<sup>th</sup> floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street, Dist 1, HCMC, Viet Nam.
- Điện thoại: 84-8 38219266 Fax: 84-8 38219267
- Website: www.kpmg.com.vn

### Phụ trách kiểm toán

Ông Lâm Thị Ngọc Hào (Phó tổng giám đốc)

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0866/KTV

Ông Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.00863/KTV

### 5.2. Đơn vị kiểm tra Nội bộ: Công ty cổ phần hữu hạn Dây và Cáp điện Đại Á

- Hình thức kiểm tra nội bộ: Ban kiểm soát kiểm tra không định kỳ
- Kết quả kiểm tra nội bộ:

Ý kiến của Ban kiểm soát như sau:

- Sáu tháng đầu năm 2012, giá đồng LME bình quân khoảng 8.087,2USD/T công ty bán hàng nhiều hơn và giá vốn có nhiều ưu thế, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 10,08%, lợi nhuận sau thuế khoảng 21,1 tỷ đồng. Chuyển sang sáu tháng cuối năm 2012 giá đồng LME bình quân giảm còn 7.812,8USD/T ảnh hưởng giảm lợi nhuận gộp còn 7,29%, lợi nhuận sau thuế khoảng 13,2 tỷ đồng, giảm 7,9 tỷ đồng tương đương 37,44% so với sáu tháng đầu năm 2012. Cả năm 2012 công ty lãi khoảng 34,3 tỷ đồng, giảm 1,3 tỷ đồng so với kế hoạch 35,6 tỷ đồng.

### Kết luận:

- ❖ Tuy doanh thu suy giảm nhưng lãi sau thuế khoảng 34,3 tỷ đồng sát với chỉ tiêu kế hoạch năm 2011.
- ❖ Việc thực hiện trích khấu hao tài sản cố định tuân thủ theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- ❖ Việc thực hiện mua sắm tài sản cố định được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Điều lệ Công ty.
- ❖ Sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn được vốn.
- ❖ Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.
- ❖ Báo cáo tài chính lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài chính và yêu cầu quản lý của các ban ngành.

## 6. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Taya Electric Wire & Cable Co Ltd Sở hữu 60% cổ phần của công ty

### 6.1. Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất

**Ngành nghề hoạt động:** sản xuất cáp điện, dây điện thoại các loại, dây đồng trần, dây điện từ.

### Địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất

- **Trụ sở chính** Số 249 - Đường Trung Sơn, Đoạn II, Khu Quan Miếu Thành phố Đài Nam, Đài Loan.  
Điện thoại: (886) 5953 131
- **Nhà máy** Số 15 - Đường Nam Hưng, Thôn Nam Loan, Tp. Vĩnh Khang, Huyện Đài Nam, Đài Loan  
Điện thoại: (886-6) 2372 6131
- **Chi nhánh Đài Bắc** Số 149 - Đường Ngũ Công, Khu Công nghiệp Ngũ Cổ,

Thôn Ngũ Cỏ, Huyện Đái Bắc, Đái Loan  
Điện thoại: (886-2) 2299 7070

- **Chi nhánh Đái Trung** Số 2 - Đường 33, Khu Công nghiệp Đái Trung, Đái Loan  
Điện thoại: (886-2) 2350 1010

## 6.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính

- Năm 1955: Thành lập nhà máy Thực Nghiệp TAYA, vốn pháp nhân NTD 200.000, diện tích khuôn 990 m<sup>2</sup>, chuyên sản xuất kinh doanh dây cáp điện bọc cao su, dây cáp điện ngoài trời, dây điện bọc lớp vỏ, dây điện xe hơi;
- Năm 1958-1962: nghiên cứu sản xuất dây bọc nhựa PVC, dây điện công trình, dây điện xe hơi bọc nhựa, 2 lần tăng vốn lên NTD 600.000 và NTD 2.000.000, đổi tên Công ty Thực Nghiệp Cổ phần Hữu hạn TAYA.
- Năm 1967: Dời nhà xưởng vào Khu Công nghiệp Cán Tre, tăng vốn lên NTD 5.000.000, đổi tên thành Công ty CPHH Dây và Cáp điện TAYA.
- Năm 1968-1987: sau 9 lần tăng vốn và phát triển mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đến thời điểm năm 1987 số vốn là NTD 300.660.000, mua thêm mặt bằng tại Huyện Đái Nam xây dựng nhà xưởng, Tổng Công ty dời về Quan Miếu, Huyện Đái Nam, chính thức đưa dây cáp điện siêu cao áp đi vào hoạt động.
- Năm 1988: hợp nhất Công ty CPHH Dây Cáp điện Đại Hằng và tăng vốn lên NTD 750.000.000, mở rộng thiết bị chế tạo sản phẩm dây cáp điện lực siêu cao áp. Tháng 10, Ủy Ban Chứng khoán thuộc Bộ Tài chính Đái Loan chấp thuận Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu. Tháng 12/1988, Cổ phiếu của Công ty chính thức lên sàn giao dịch.
- Năm 1989-2000: tăng vốn 9 lần và không ngừng mở rộng phát triển sản xuất. Đến năm 2000, số vốn đã lên đến NTD 5.572.260.000, hợp danh với Công ty Công nghiệp điện Cổ Hà (Nhật Bản) thành lập Công ty CPHH Tư vấn Công trình Đại Hà và đầu tư vào Công ty CPHH Đầu tư Sản xuất TAYA, sản phẩm dây điện từ được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng QS-9000.
- Năm 2001-2003: thay đổi chiến lược hoạt động, giảm vốn xuống còn NTD 5.425.770.000.
- Năm 2004-2008: không ngừng phát triển.
- Năm 2009: là Công ty đầu tiên được Công ty Điện lực Đái Loan công nhận có năng lực sản xuất cáp điện siêu cao áp 345KV. Vốn Điều lệ là NTD 5.716.150.380.



Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

#### **Chính sách thưởng:**

Nhân viên trong Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

#### **Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:**

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 500.000 đồng đối với con cái nhân viên công ty. Ngoài ra, khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 100.000 đồng còn tang lễ là 700.000 đồng.

#### **Chính sách đào tạo nhân viên:**

Đào tạo chuyên môn: Đào tạo tại chức định kỳ và đào tạo tại nước ngoài.

### **7.3. Người quản lý chủ chốt trong công ty**

#### **A. Sơ yếu lý lịch**

##### **▪ Tổng giám đốc:**

#### **1. Ông Wang Ting Shu**

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viện Đông

##### **▪ Phó tổng giám đốc:**

#### **1. Ông Chen Chung Kuang**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc CN-Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/10/1967

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học văn hóa Trung Quốc Đài Loan, New York Institute of Technology MBA

##### **▪ Kế toán trưởng:**

#### **1. Ông Sung Hsiang Lin**

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1988

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Tốt nghiệp Học viện tài chính kinh tế Chân Lý Đài Loan

#### **B. Thay đổi nhân sự**

Thay đổi kế toán trưởng

- Ông Hung Chung Ming thôi giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2013.
- Ông Sung Hsiang Lin giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2013 thay cho ông Hung Chung Ming.



**C. Lương bổng của Tổng giám đốc**

- Lương bổng tổng giám đốc: 2.860USD/tháng

**D. Tỷ lệ cổ phần nắm giữ:** Không nắm giữ

**E. Giao dịch cổ phiếu:** Không có giao dịch

**F. Xung đột lợi ích với công ty:** Không có xung đột

**8. QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**

**8.1. Quản trị công ty**

**8.1.1 Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

▪ **Hội đồng quản trị**

**1. Ông Shen Shang Pang**

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam  
Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Côn Sơn, Đài Loan.

**2. Ông Shen Shang Tao**

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam  
Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

**3. Ông Shen Shang Hung**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam  
Chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

**4. Ông Shen San Yi**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam  
Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

**5. Ông Wang Ting Shu**

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông.

▪ **Ban kiểm soát:**

**1. Ông Wang Yen Huang**

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam  
Chủ nhiệm phòng kế hoạch Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học khoa học kỹ thuật Cao Hùng, Đài Loan.

### 2. Ông Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam  
Tổng Giám đốc Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

### 3. Ông Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam  
Tổng giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd  
Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya Việt Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

#### ▪ Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Năm 2012 công ty tuy có lãi khoảng 34,3 tỷ đồng, nhưng vẫn phải bù lỗ lũy kế cho năm trước nên công ty không chi trả thù lao năm 2012 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

#### ▪ Thù lao khác

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) 5.000USD/tháng.
- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) 5.000USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (thành viên BKS) 1.350USD/tháng.

#### 8.1.2 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng sở hữu
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>		
1.	Shen Shang Pang	Chủ tịch HĐQT	63.504
2.	Shen Shang Tao	Phó chủ tịch HĐQT	40.666
3.	Shen Shang Hung	Thành viên HĐQT	42.220
4.	Shen San Yi	Thành viên HĐQT	76.941
5.	Wang Ting Shu	Thành viên HĐQT	0
<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1.	Wang Yen Huang	Trưởng Ban kiểm soát	0
2.	Chiu Tsung Jen	Thành viên BKS	2.100
3.	Wang Wen Ruey	Thành viên BKS	0
<b>III.</b>	<b>Ban Giám Đốc</b>		
1.	Wang Ting Shu	Tổng giám đốc	0
2.	Chen Chung Kuang	Phó TGD chỉ nhánh Hải Dương	0

- **Giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị:**
- Không có giao dịch.
- **Xung đột lợi ích với công ty:** Không có xung đột.

## **8.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

### **8.2.1 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị**

#### **● Tổ chức hội nghị**

Trong năm tài chính 2012 Hội đồng quản trị tổ chức họp 26 lần, trong đó họp hội nghị truyền hình 18 lần với nội dung:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và kiểm toán.
- Thảo luận và thông qua chiến lược kinh doanh.
- Kế hoạch vay vốn ngân hàng.
- Đăng ký bổ sung hạng mục kinh doanh mới.
- Nội dung và kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông năm 2013.
- Thảo luận bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

#### **● Giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc:**

Nhằm nắm bắt kịp thời động thái hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị đã triệu tập họp khẩn cấp 26 lần, trong đó họp qua hội nghị truyền hình 18 lần. Hội đồng quản trị tập trung lắng nghe báo cáo và thảo luận trao đổi thông tin với Ban điều hành về diễn biến của thị trường. Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành: 1. hợp lý tính toán nguyên liệu đầu vào để phụ vụ sản xuất, tránh tình trạng nguyên liệu nhập thừa cản trở dòng tiền luân chuyển. 2. Tăng cường quản lý và giảm lượng hàng hóa tồn kho tránh rủi ro nguyên vật liệu rớt giá và biến động tỷ giá hối đoái vào cuối năm. Trong quá trình thực hiện quản trị công ty năm 2012 của công ty, Tổng giám đốc luôn tuân thủ quy định của pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không để xảy ra việc làm trái pháp luật, tình hình hoạt động tài chính bình thường, không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **8.2.2 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2012, Ban kiểm soát giám sát và tham dự các cuộc họp về:

- Cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch và chiến lược kinh doanh công ty.
- Xem xét và thẩm định các báo cáo tài chính tự quyết hàng quý và năm.
- Kiểm tra nội bộ sổ sách kế toán và tình trạng tài chính của công ty.
- Xem xét báo cáo kiểm toán.

#### **● Giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT:**

Ban kiểm soát giám sát HĐQT về những việc sau:

- Xu thế giá nguyên liệu thế giới và tình hình nguyên liệu tồn kho.
- Quy trình nhập khẩu nguyên liệu.
- Tuân thủ pháp luật.

#### **● Giám sát của BKS đối với Tổng giám đốc:**

- Trong năm 2012 Hội đồng quản trị triệu tập họp thường vụ 26 lần, trong đó 18 lần họp qua hội nghị truyền hình. Hội nghị chủ yếu thảo luận và đôn đốc Ban điều hành nắm bắt các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và tình hình biến động tỷ giá hối đoái trong nước, đồng thời góp ý, chỉ đạo việc lập kế hoạch nguyên vật liệu đầu vào để phụ vụ sản xuất, tăng cường quản lý, giải quyết dứt điểm hàng hóa tồn kho tránh rủi ro nguyên liệu rớt giá và biến động tỷ giá hối đoái vào cuối năm.

- Về việc thực hiện quản trị công ty năm 2012 của công ty. Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật và không có hiện tượng vi phạm pháp luật.

### 8.2.3 Kế hoạch tăng cường hiệu quả quản trị công ty

- Nhằm tăng cường hiệu quả quản trị công ty, Hội đồng quản trị xây dựng hệ thống mạng nội bộ quốc tế để theo dõi, đôn đốc và quản lý mọi hoạt động của công ty. Qua đó, tính minh bạch trong quản lý hành chính, tài chính, sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ hàng hóa của công ty đã được nâng cao. Ngoài ra, trong việc trao đổi thông tin, giao lưu giữa các phòng ban, cán bộ nhân viên và Ban điều hành đều rất dễ dàng và tiện lợi, góp phần cải thiện hiệu suất thực thi kế hoạch, chiến lược kinh doanh của công ty.

## 8.3. Thông tin cổ đông (tại 18/03/2013)

### 8.3.1 Cơ cấu sở hữu

Cổ đông	Số cổ phiếu	VND	%
<b>Tổng số cổ phần công ty</b>	<b>27.901.377</b>	<b>279.013.770.000</b>	<b>100</b>
<b>Cổ đông sáng lập</b>			
Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd	16.742.197	167.421.970.000	60
Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd	5.580.687	55.806.870.000	20
<b>HDQT, BKS</b>			
Thành viên HDQT	223.331	2.233.310.000	20
Thành viên BKS	2.100	21.000.000	
Ban giám đốc	-	-	
Cổ phiếu quỹ	9.363	93.630.000	
Các cổ đông khác	5.343.699	53.436.990.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.901.377</b>	<b>279.013.770.000</b>	<b>100</b>

### 8.3.2 Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng cổ phần</b>	<b>4.715.646</b>	<b>16,90</b>	<b>23.185.731</b>	<b>83,10</b>	<b>27.901.377</b>	<b>100</b>
Sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	22.322.884	80,01	22.322.884	80,01
Cổ đông pháp nhân	175.934	0,63	-	-	175.934	0,63
Cổ đông cá nhân	4.529.898	16,24	814.829	2,92	5.344.727	19,16
Pháp nhân chuyên nghiệp	451	0,00	48.018	0,17	48.469	0,17
Cổ phiếu quỹ	9.363	0,03	-	-	9.363	0,03
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.715.646</b>	<b>16,90</b>	<b>23.185.731</b>	<b>83,10</b>	<b>27.901.377</b>	<b>100</b>

### 8.3.3 Cổ đông nội bộ

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm giữ
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Shen Shang Pang	Chủ tịch HĐQT	63.504
2	Shen Shang Tao	Phó chủ tịch HĐQT	40.666

3	Shen Shang Hung	Ủy viên	42.220
4	Shen San Yi	Ủy viên	76.941
5	Wang Ting Shu	Ủy viên	0
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1	Wang Yen Huang	Trưởng BKS	0
2	Chiu Tsung Jen	Ủy viên	2.100
3	Wang Wen Ruey	Ủy viên	0
<b>III</b>	<b>Tổng giám đốc</b>		
1	Wang Ting Shu	Tổng giám đốc	0
2	Chen Chung Kuang	Phó tổng giám đốc	0
<b>IV</b>	<b>Kế toán - Tài vụ</b>		
1	Sung Hsiang Lin	Kế toán trưởng	0
2	Li Thu My	Trưởng phòng kế toán	0
<b>V</b>	<b>Công bố thông tin</b>		
1	Linh Thin Pau	Người công bố thông tin	0

Ngày 23 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu